TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 176/2020/QĐST-HNGĐ	*Hải An, ngày 04 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 211/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Hoàng Hải N; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16, cụm 3, phường ĐK, quận NQ, Hải Phòng; nơi ở: Số 151 đường HT, phường NH, quận HA, Hải Phòng;

Chị Lê Thị L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 16, cụm 3, phường ĐK, quận NQ, Hải Phòng; nơi ở: Số 30/213 đường ĐK, phường ĐK, quận NQ, Hải Phòng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Hải N và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường ĐK, quận NQ, Hải Phòng vào ngày 25/11/1996. Theo anh N và chị L xác nhận: Qúa trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2007 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do cả hai không có tiếng nói chung, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống đặc biệt là vấn đề kinh tế khiến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xung đột, hôn nhân không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và trở nên trầm trọng vào năm 2010. Anh chị đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 6/2010 đến nay,

không còn quan tâm đến nhau về mọi mặt của đời sống. Anh N và chị L đều nhận thấy không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp với thực trạng mâu thuẫn cũng như đời sống hôn nhân nên có căn cứ để chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh N và chị L có 02 con chung Hoàng Lê Diệu LH, sinh ngày 07/9/1997 và Hoàng LN, sinh ngày 22/8/2003. Anh chị thống nhất thỏa thuận: Khi ly hôn, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Hoàng LN đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Con chung Hoàng Lê Diệu LH đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh chị là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh sinh hoạt và học tập hiện tại cũng như nguyện vọng của con chung nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N và chị L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh N và chị L xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh N và chị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh Hoàng Hải N và chị Lê Thị L cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Giao con chung Hoàng LN, sinh ngày 22/8/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Con chung Hoàng Lê Diệu LH, sinh ngày 07/9/1997 đến nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh N và chị L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung:

Anh N và chị L xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Anh N và chị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh N và chị L đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An theo Biên lai thu số 0017817 ngày 21 tháng 8 năm 2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THA Dân sự quận Hải An;
- UBND phường ĐK, quận NQ, Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Cường